TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DS-ST
Ngày 26/6/2018
"V/v kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Khắc Dũng.
2. Ông Nguyễn Quốc Vụ.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quế – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2017/TLST-DS ngày 06/10/2017, về việc kiện đòi tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân M; trú tại: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Bà Ngô Thị Th và ông Hà Văn N; Trú tại: Thôn 4, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Đoàn Quang H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 06/11/2017); có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T; Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Ông Nguyễn Xuân M là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (văn bản ủy quyền ngày 25/10/2017); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2017, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày có nội dung như sau:

Ông M là người mua bán nông sản nên vợ chồng ông N, bà T có bán cho ông nhiều lần cà phê, ứng tiền nhưng sau đó không trả dứt điểm nên hai bên có ngồi lại thống nhất chuyển qua thành khoản nợ vay, ngày 15/4/2012 ông N, bà T có viết giấy vay tiền cho ông M, trên cơ sở đó vợ chồng ông N, bà T vay vợ chồng ông M số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, hẹn đến ngày 30/10/2012 trả toàn bộ tiền gốc và lãi, việc vay không thế chấp tài sản giấy tờ gì.

Giấy vay tiền ngày 15/4/2012 thì chữ viết tại phần thông tin người cho vay, người vay là chữ viết của ông M, chữa ký, chữ viết Hà Văn N, Ngô Thị T tại phần người vay dưới dòng chữ người thừa kế là của ông Hà Văn N và bà Ngô Thị T.

Đến hẹn trả nợ vợ chồng ông N, bà T không trả được khoản tiền gốc và lãi nào, mặc dù ông M đòi rất nhiều lần nhưng vợ chồng ông N, bà T cứ khất lần không chịu trả. Nay ông M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông N và bà T trả số tiền nợ là 110.000.000 đồng tiền gốc, về lãi suất không yêu cầu, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày có nội dung như sau:

Bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông N, bà T trả cho vợ chồng bà số tiền vay gốc là 110.000.000 đồng.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án của bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đoàn Quang H trình có nội dung như sau:

Trong cuộc sống bà T có vay tiền của ông M nhiều lần với lãi suất từ 4% - 6% tháng cụ thể: Giấy vay tiền ngày 02/6/2015 ông M cho bà T vay 100.000.000 đồng, sau đó ông M khởi kiện đòi 100.000.000 đồng tiền gốc và 24.000.000 đồng tiễn lãi, sau đó ông M đã rút đơn khởi kiện và Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án.

Đối với giấy vay tiền ngày 15/4/2012 mà ông M khởi kiện cho thấy ông N và bà T vay của ông M và bà T số tiền là 110.000.000 đồng với lãi suất là 3%/tháng, trong giấy chữ ký và chữ viết của ông Hà Văn N và chữ viết Ngô Thị T đây là loại giấy tờ giả tạo bởi ông N không ký, còn chữ ký bà T do ông M đưa tờ giấy không có nội dung nên bà T không biết nên ký vào và thực tế bà T còn ký vào nhiều tờ giấy mà ông M đưa cho. Trong quá trình làm ăn giữa ông M và bà T thì bà T có vay ông M số tiền 27.000.000 đồng, sau đó khoản này đã trả hết cả gốc và lãi.

Nay ông M khởi kiện buộc vợ chồng ông N, bà T trả số tiền vay còn nợ là 110.000.000 đồng, với tư cánh đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định là không có việc vay tiền này chữ viết Ngô Thị T là do bà T viết vào tờ giấy ông M đưa sẵn. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng 166, 483, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Ngô Thị T có trách nhiệm trả cho ông M, bà T số tiền còn nợ gốc là 110.000.000 đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy vay tiền ngày 15/4/2012, vợ chồng ông N, bà T có ký giấy vay tiền vợ chồng ông M với số tiền vay là 110.000.000 đồng, khi vay không thế chấp tài sản giấy tờ gì, thời hạn trả ngày 30/10/2012, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng. Quá trình giải quyết vu án nguyên đơn ông M xác định đây là số tiền hai bên thống nhất viết lại thành giấy vay tiền còn nguồn gốc số tiền này là do bị đơn bán cà phê nhận tiền trước sau đó không trả dứt điểm nên thống nhất viết thành khoản nợ vay. Tại bản kết luận số 35/PC54 ngày 30/3/2018 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Hà Văn Ấn dưới mục người thừa kế trong giấy vay tiền ngày 15/4/2012 so với chữ ký, chữ viết mẫu của ông N được so sánh giám định không do cùng một người ký, viết ra. Chữ viết mang tên Ngô Thị Thiện dưới mục người thừa kế trong giấy vay tiền ngày 15/4/2012 so với chữ viết mẫu của bà T được so sánh giám định do cùng một người viết ra, sau khi có kết luận giám định Tòa án đã thông báo cho các bên đương sự biết và các đương sự đồng ý với Kết luận giám định của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, không phản đối, khiếu nại gì. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Ngô Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân M và bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc là 110.000.000 đồng. Đối với ông N không ký giấy vay tiền, tại bản kết luận số 35/PC54 ngày 30/3/2018 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết mang tên Hà Văn N không phải do ông N ký, viết ra nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông N có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[2] Về lãi suất: Nguyên đơn ông M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng bà T trong quá trình làm ăn có vay tiền của ông Mão nhưng đã được thanh toán xong, đối với giấy vay tiền ngày 15/4/2012 nguyên đơn cung cấp làm chứng cứ khởi kiện thì chữ ký, chữ viết ông N là giả mạo, chữ viết bà Ngô Thị T là do bà T viết. Tuy nhiên, trong quá trình làm ăn giao dịch với ông M thì bà T có ký vào nhiều giấy tờ do ông M đưa khi ký không có nội dung nay đã lâu không còn nhớ nữa, việc ông M dùng giấy vay tiền ngày 15/4/2012 để kiện bị đơn là không đúng thực tế, vợ chồng bị đơn bà T không có vay mượn, cũng như nợ tiền ông M. Vì vậy, phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ nguyên đơn đưa ra là giấy vay tiền ngày 15/4/2012 với số tiền bị đơn vay là 110.000.000 đồng chữ viết Ngô Thị T trong giấy vay tiền là của bị đơn Ngô Thị T, điều này bị đơn bà T cũng thừa nhận, cũng như tại bản kết luận số 35/PC54 ngày 30/3/2018 của Phòng kỷ thuận hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ viết Ngô Thị T là của bà Ngô Thị T viết ra, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định chữ viết Ngô Thị T trong giấy vay tiền ngày 15/4/2012 là do bà T khi viết vào tờ giấy chưa có nội dung, nhưng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, nguyên đơn ông M không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của phía bị đơn.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả giai đoạn Thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4] Về chí phí giám định: Do yêu cầu trưng cầu giám định của bị đơn bà Ngô Thị T có căn cứ một phần nên bà T phải chịu 2.160.000 đồng tiền chi phí giám định, được khấu trừ vào số tiền 4.320.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí giám định tại Tòa án, bà T còn được nhận là 2.160.000 đồng sau khi thu được của nguyên đơn ông M. Nguyên đơn ông M phải chịu 2.160.000 đồng tiền chi phí giám định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể án phí phải chịu là 110.000.000 đồng x 5% = 5.500.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 2.750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003021 ngày 06/10/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 161, Điều 220 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 255, Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M.

Buộc bị đơn bà Ngô Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân Mão và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất chậm trả giai đoạn Thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu Thi hành án.

Về chi phí giám định: Bị đơn bà Ngô Thị T phải chịu 2.160.000 đồng tiền chi phí giám định, được khấu trừ vào số tiền 4.320.000.000 đồng đã nộp tạm ứng chi phí giám định tại Tòa án, bà T còn được nhận là 2.160.000 đồng sau khi thu được của nguyên đơn ông M. Nguyên đơn ông M phải chịu 2.160.000 đồng tiền chi phí giám định.

Về án phí: Bị đơn bà Ngô Thị T phải chịu 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Xuân M số tiền 2.750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0003021 ngày 06/10/2017.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Eakar;
- CCTHADS huyện Eakar;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh